

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Hoàng Phương

2. Ngày tháng năm sinh: 05/04/1955; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Phường Kim Lũ, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Nhà 27B, tổ 5B, Phường Trung Liệt, TP. Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nhà 27B, (tổ 5B), ngõ 136, Phố Trung Liệt, TP. Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0904 128 118;

E-mail: nhphuong2008@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1979 đến năm 1989: cán bộ nghiên cứu. tại Viện Khoa học tính toán và Điều khiển, Viện Khoa học Việt Nam.

Từ năm 1989 đến năm 1993: Cán bộ nghiên cứu. tại Trung tâm nghiên cứu Hệ thống và Quản lý, Viện Khoa học Việt Nam.

Từ năm 1993 đến năm 2004: Cán bộ nghiên cứu, Phó phòng Hệ chuyên gia và Tính toán mềm : 2001, trưởng phòng: 2002. tại Viện Công nghệ thông tin, Trung tâm khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Từ năm 2004 đến năm 2009: Giám đốc. tại Trung tâm tin học, Bộ Y tế.

Từ năm 2009 đến năm 2012: Phó vụ trưởng. tại Vụ Khoa học và Đào tạo, Bộ Y tế.

Từ năm 2012 đến năm 2015: Phó Cục trưởng phụ trách. tại Cục Công nghệ thông tin, Bộ Y tế.

Từ năm 2015 đến năm 2020: Giảng viên cơ hữu. tại Bộ môn tin học, Trường Đại học Thăng long.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên cơ hữu.; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Cục trưởng phụ trách Cục CNTT, Bộ y tế.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn tin học, Trường Đại học Thăng long.

Địa chỉ cơ quan: Đường Nghiêm Xuân Yêm, Quận Hoàng Mai, TP. Hà nội.

Điện thoại cơ quan: 02439973762

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Một số trường trong nước.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng 05 năm 2015

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Bộ môn tin học, Trường Đại học Thăng long

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học CNTT và Truyền thông, Đại học Thái nguyên.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 30 tháng 06 năm 1979, ngành: Toán ứng dụng., chuyên ngành: Đảm bảo toán học cho máy tính.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học tổng hợp Taskent, Liên xô cũ.

- Được cấp bằng TS ngày 09 tháng 03 năm 1996, ngành: Khoa học kỹ thuật, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học kỹ thuật Viên, Cộng hòa Áo.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 26 tháng 10 năm 2002, ngành: Ngành Tin học

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Thăng Long

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Tin học Y tế, trí tuệ nhân tạo, trí tuệ tính toán, các hệ mờ trong y học, học sâu ứng dụng trong y tế.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) ... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 1 đề tài NCKH cấp Bộ; 6 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 131 bài báo KH, trong đó 11 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 22, trong đó 19 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Huân chương lao động hạng 3.	Chủ tịch nước	2015

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Tôi hiện là PGS nghiên cứu thuộc Bộ môn tin học, trường Đại học Thăng long. Tôi tự đánh giá một số nhiệm vụ của nhà giáo như sau:

- Về đào tạo: Từ năm 1997 tôi là giảng viên thỉnh giảng các môn về tin học tại Trường Đại học Thăng long và các trường đại học khác như Học viện KTQS - BQP, Học viện Bưu chính viễn thông, Khoa CNTT, Đại học Thái nguyên.. đồng thời là giảng viên/phó giáo sư thỉnh giảng tại nhiều trường đại học quốc tế dạy bằng tiếng anh như Department of Computer Science, Faculty of Science and Technology, International Assumption University, Bangkok, Thailand năm 2001, 2002, 2003 (mỗi năm 1 học kỳ), Kyungpook National University School of Medicine, Daegu, Korea (2003)... Từ 1/5/2015, tôi là giáo viên cơ hữu Bộ môn tin học, trường Đại học Thăng long và giảng dạy tin học theo sự phân công của trường trong đó có dạy (theo hợp đồng thỉnh giảng) lớp cao học quốc tế môn MIS (Management Information Systems), dạy bằng tiếng Anh.

- Tôi đã và đang hướng dẫn chính 4 NCS trong đó có 2 NCS đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ và đã hướng dẫn thành công 15 luận văn Thạc sĩ (trong đó có 2 luận văn thạc sĩ bằng tiếng Anh tại International Assumption University, Bangkok, Thailand) và 21 sinh viên các trường đại học trong nước.

- Về nghiên cứu khoa học:

- Đã là PCN (chủ nhiệm đề tài nhánh) 1 đề tài cấp nhà nước do PGS.TS Phạm Văn Chuyết, Trường Đại học Bách khoa Hà nội làm chủ nhiệm đề tài, chủ nhiệm 1 đề tại cấp bộ thuộc Bộ Y tế và chủ nhiệm nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở tại Viện CNTT, Viện Khoa học và Công nghệ Việt nam, trường Đại học Thăng long trong lĩnh vực tin học trong y tế, trí tuệ tính toán trong y học và hiện là chủ nhiệm dự án cấp trường hợp tác nghiên cứu phát triển giữa Trường Đại học Thăng long và Bệnh viện Đại học Y Hà nội : “Hệ hỗ trợ chẩn đoán X-Quang ung thư vú bằng Trí tuệ nhân tạo”.

- Tôi đã là tác giả/đồng chủ biên 12 sách dùng cho đào tạo và 10 chương sách tại NXB uy tín thế giới Elsevier/Springer.

- Tôi đã đăng hơn 140 công trình khoa học bao gồm sách, chương sách và các bài báo/báo cáo khoa học trong các tạp chí, kỷ yếu hội nghị quốc tế và trong nước, 26 bài báo khoa học thuộc tạp chí quốc tế trong đó có 11 bài thuộc tạp chí quốc tế có uy tín, 5 bài báo khoa học đăng tại tạp chí trong nước, 66 báo cáo khoa học đăng tại kỷ yếu hội nghị quốc tế, 33 báo cáo khoa học đăng tại kỷ yếu hội nghị quốc gia.

- Là đồng chủ biên 16 kỷ yếu hội nghị trong đó có 9 hội nghị quốc tế về hệ mờ, tin học y tế và 7 hội nghị/hội thảo khoa học quốc gia về Ứng dụng Tin học trong ngành Y tế.
- Là đồng chủ biên 5 chuyên san đăng tại các tạp trí quốc tế, trong đó có tạp chí uy tín thế giới như. International Journal of Uncertainty, Fuzziness and Knowledge Based Systems (IJUFKS), World Scientific Pub; Biomedical Soft Computing and Human Sciences (BMFSA Publisher); Journal of Advanced Computational Intelligence and intelligent informatics, (Fuji Technology Press Ltd).
- Tham gia các công tác khoa học khác:
 - Tổ chức hội nghị quốc tế tại Việt nam: Tổ chức 9 Hội nghị quốc tế VJFUZZY'98, MIF'99, VJFUZZY'2001, VJMEDI-MAG'2001, Intech/VJFuzzy'2002, AFSS'2004, VJMEDI-INFOTECH' 2004, VN-KR MEDINFO'2005, AICI 2020 và 7 hội nghị quốc gia về công nghệ thông tin trong ngành y tế.
 - Được mời báo cáo chuyên đề tại nhiều Viện nghiên cứu và Đại học ở các nước như: Institute of Technical Cybernetics, Slovak Academy of Sciences (1988), Institute for Medical Computer Science, University of Vienna, Austria (1993), Institute of Computer Science, Czech Academy of Sciences (1994), Dept of Med. and Bio. Informatics, German Cancer Research Center, Univ. of Heidelberg, Germany (1995), the Intelligent Systems Research Lab, School of Systems Engineering, University of Wales Cardiff, UK (1996), the Medical Computing Lab, Dept of Information Systems and Computer Science, National University of Singapore (1996), Department of Computer Science and Department of Mathematics, University of Texas at El Paso, USA (1997), NASA PACES Center, UTEP at El Paso, USA (1997), the Dept of Engineering, Osaka Prefecture University, Japan (1998), the Faculty of Engineering and Center of High Technology, Hokkaido Gakuen University, Japan (1998), Department of Medical Informatics, College of Medicine, National Taiwan University, ROC (1999), Osaka Institute of Technology, Japan (1998,1999), Kyushu Institute of Technology, Japan, (1999), Department of Computer Science, Meiji University, Japan (2000), Department of Engineering, University of Himeiji, Japan (2000), Department of Computing, HongKong Polytechnic University (2000) và báo cáo phiên toàn thể tại các hội nghị quốc tế BMFSA'99 (Japan), MIST'99 (Taiwan), MIF'99 (Vietnam) ...,
 - Tham gia tổ chức/điều khiển các tiểu ban của các hội nghị quốc tế như: SMC'97 (1997 IEEE International Conference on Systems, Man, and Cybernetics), Orlando, Florida, USA, VJFUZZ'98 (Halong Bay, Vietnam, 30 Sept. – 2 Oct. , 1998), IFSA'99 (Taipei, 16-20 October, 1999), International Symposium on Medical Informatics and Fuzzy Technology MIF'99 (Hanoi, 26-29 August, 1999), Asian Fuzzy Systems Symposium AFSS2000 (Tsukuba, Japan, 31 May – 3 June, 2000), Asian Pacific Medical Informatics Symposium APAMI-MIC2000 (HongKong, 27-30 September, 2000), session “Computational Intelligence in Biomedical Applications” at NAFIPS 2016 (USA), IFSA/NAFIPS 2019 (USA).
 - Thành viên ban chương trình các hội nghị quốc tế và quốc gia như: The International Program Committee member of FUZZ-IEEE'99, The International Advisory Committee member and program Committee member of the Asian Fuzzy Systems Symposium AFSS2000, Intech2000 (BangKok, Thailand), IFSA/NAFIPS 2001

(Vancouver), APAMI-MIC2003 (Korea), the first Vietnam-Japan Symposium on Medical Imaging/Informatics and Applications (VJMEDIMED'2001), 24-25 November, Hanoi and the second VJFUZZY'2001 December, 2001 in Hanoi and Organizer for InTech2002 and AFSS2004 in Vietnam, the Vietnam - Japan Conference on Medical Informatics and Applications, Dec. 13-13, Hanoi, Vietnam, VN-Korea MEDINFO'2005, November, 28-29, 2005; VN-HISMANAG'08, Hanoi, Vietnam 9/1/2008; IFSA/NAFIPS'2019 (USA), IWCIII 2017-2018, FAIR'2018 -2019, AICI 2020: International Conference on AI and Computational Intelligence, 4-6 January, 2020, Hanoi, Viet nam.

- Đã/đang tham gia ban biên tập nhiều tạp chí quốc tế chuyên ngành như: Board Adviser: Journal of Computational Intelligence and Intelligent informatics; The Journal of BIOMEDICAL SOFT COMPUTING AND HUMAN SCIENCES (BMFSA).

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 23 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	1998			4	4	135		135/535/135
2	2002			2	1	135	270	405/580/135
3	2016-2017	3			3	120	30	150/337,5/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018	3				72	90	162/274,5/270
5	2018-2019	3				72	90	162/274,5/270
6	2019-2020	2				72	150	220,2/295,2/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh, tiếng Nga.

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☒; Tại nước: Cộng hòa Uzbekistan, Liên xô; Từ năm 1974 đến năm 1979

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Cộng hòa Áo năm 1996

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Thăng long, Việt nam; Assumption University, Thai Lan

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Ngô Thành Long	X		X		12/2004 đến 12/2007	Học viện kỹ thuật quân sự, Bộ quốc phòng.	08/04/2010

2	Lê Thị Ngọc Anh	X		X		01/2012 đến 01/2015	Học viện bưu chính viễn thông.	27/02/2019.
---	-----------------	---	--	---	--	---------------------------	---	-------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi được công nhận chức danh PGS							
1	Towards Intelligent Systems for Integrated Western and Eastern Medicine.	CK	The Gioi Publisher, Ha noi., năm 1997	1	MM		20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020
2	Hệ mờ và ứng dụng	CK	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà nội., năm 1998	5	CB	(85-105, 106-131, 132-146, 147-155, 156-177, 178-192, 193-227.)	20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020

3	Nhập môn trí tuệ tính toán.	GT	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà nội., năm 2002	3	VC		20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020
4	PROLOG và Hệ chuyên gia.	TK	Viện khoa học tính toán và điều khiển., năm 1988	4	VC		20062501?XN-ĐHTL, 25/6/2020
5	Kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành tin học trong Y học (Lý thuyết và ứng dụng), 23-24/9/1997.	TK	Nhà xuất bản y học, Hà nội, năm 1997	2	CB	(169-181, 182-189, 241-244, 245-287, 305-329.)	20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020
6	Kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành tin học trong Y học (lần thứ hai)), 28-29/12/1998.	TK	Nhà xuất bản y học, Hà nội, năm 1988	2	CB	(52-62, 63-77, 157-166, 167-178, 205-210, 211-224.)	20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020

7	Kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành tin học trong Y học (lần thứ ba), 16-17/12/1999..	TK	Nhà xuất bản y học, Hà nội, năm 1999	2	CB	(54-61, 62-71, 72-84, 85-89, 146-162, 200-206.)	20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020
Sau khi được công nhận chức danh PGS							
8	Y tế từ xa	CK	Nhà xuất bản đại học quốc gia Hà nội., năm 2020	2	VC		20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020
9	“Soft Computing for Biomedical Applications and Related Topics”	CK	Springer, năm 2020	2	CB	(19-36, 49-60, 61-66, 127-140, 315-329,)	20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020

10	Book:" Soft Computing for Biomedical Applications and Related Topics",Book Chapter: "VectorDefense: Vectorization as a Defense to Adversarial Examples"	CK	Springer, năm 2020	4	VC	(19-36)	20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020
11	Book: "Soft Computing for Biomedical Applications and Related Topics",Book Chapter: "Why Some Non-classical Logics Are More Studied?"	CK	Springer, năm 2020	3	VC	(49-60)	20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020
12	Book: " Soft Computing for Biomedical Applications and Related Topics",Book Chapter: "Why h-Index"	CK	Springer, năm 2020	3	VC	(61-66)	20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020
13	Book: " Soft Computing for Biomedical Applications and Related Topics",Book Chapter: "ESYNDIAG: A Fuzzy Expert System for Eight Syndrome Diagnosis in Traditional Vietnamese Medicine	CK	Springer, năm 2020	4	VC	(127-140)	20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020

14	Book " Soft Computing for Biomedical Applications and Related Topics",Book Chapter: "Building a X-ray Database for Mammography on Vietnamese Patients and automatic Detecting ROI Using Mask-RCNN"	CK	Springer, năm 2020	11	VC	(315-329)	20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020
15	Book: " Frontiers of Intelligent Computing: Theory and Applications (Eds. Satapathy, S.C...),Book Chapter: "A Fuzzy Model of Diagnosis of Eight Syndromes and Internal Organs Syndromes in Traditional Vietnamese Medicine	CK	Springer, năm 2020	1	MM	(101-108)	20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020
16	Tin học và học sâu trong y học.	CK	Nhà xuất bản đại học quốc gia Hà nội., năm 2020	1	MM		20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020
17	Hồ sơ bệnh án điện tử	TK	Nhà xuất bản y học, Hà nội, năm 2008	3	VC		20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020
18	Một số chuẩn về CNTT y tế và các nguyên tắc áp dụng chuẩn trong ngành y tế Việt nam	TK	Nhà xuất bản Lao động – Xã Hội., năm 2012	15	VC		20062501/XN-ĐHTL, 25/6/2020

19	Book chapter 3: "Modeling a Fuzzy System for Diagnosis of Disease Syndromes of Traditional Vietnamese Medicine Combining Positive and Negative Rules"	TK	Elsevier, năm 2019	2	VC		20062501/XN- ĐHTL, 25/6/2020
20	Beyon Traditional Probabilistic Methods in Economics, Book Chapter: "Why Hammerstein-Type Block Models Are So Efficient: Case Study of Financial Econometrics"	TK	Springer, năm 2019	3	VC	(129- 136)	20062501/XN- ĐHTL, 25/6/2020
21	Beyond Traditional Probabilistic Method in Economics", Book Chapter: "Blockchains Beyond Bitcoin: Towards Optimal Level of Decentralization in Storing Financial Data"	TK	Springer, năm 2019	4	VC	(163- 167)	20062501/XN- ĐHTL, 25/6/2020
22	Structural Changes and Their Econometric Modeling, Book Chapter: "Algorithmic Need for Subcopulas"	TK	Springer, năm 2019	4	VC	(172- 181)	20062501/XN- ĐHTL, 25/6/2020

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 14

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần

ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi được công nhận chức danh PGS					
1	Đề tài: Các hệ thống minh y học	CN	28/2/1997, cấp Cơ sở	28/2/1997 đến 30/12/1997	12/1997/KQ:Khá
2	Đề tài CS'98.12: Hệ chẩn đoán Bất cương trong Y học cổ truyền Việt nam	CN	08/CNTT-QĐ, cấp Cơ sở	14/03/1998 đến 12/12/1998	12/12/1998/KQ: Khá
3	Đề tài CS2000.04: Ứng dụng toán học, tin học vào nghiên cứu niên đại học và y học.	CN	10/QĐ-CNTT, cấp Cơ sở	15/03/2000 đến 21/12/2000	21/12/2000/KQ: Khá
4	Đề tài CS'01.08: Xây dựng các hệ lập luận dựa trên tính toán mềm	CN	62/QĐ-CNTT, cấp Cơ sở	30/03/2001 đến 25/01/2002	25/01/2002/KQ: Xuất sắc
Sau khi được công nhận chức danh PGS					
1	ĐT: Nghiên cứu, phát triển các hệ thống thông tin phục vụ giáo dục và y tế. Mã số: KC.01.05/06-10	PCN	KC.01.05/06-10, cấp Nhà nước	01/12/2007 đến 01/12/2009	19/8/2001/KQ: Nội dung khoa học công nghệ: Khá, tổ chức thực hiện: Đạt, theo QĐ số: 2542/QĐ-BKHCN, 19/8/1011.
2	ĐT: Xây dựng mô hình E-Health khả thi tại Việt Nam.	CN	Số: 1130/QĐ-BYT, cấp Bộ	18/04/2011 đến 18/04/2013	1/6/2015/KQ: Trung bình

3	Đề tài: CS'04.05: xây dựng hệ chuyên gia rỗng áp dụng lý thuyết tập mờ EFUZZ-ES''	CN	Số 131/QĐ-CNTT, cấp Cơ sở	23/01/2004 đến 23/12/2004	23/12/2004/KQ: Xuất sắc
4	Đề tài: Nghiên cứu một số vấn đề Tin học trong y tế và Trí tuệ tính toán trong y học	CN	Số: 78/QĐ-ĐHTL, cấp Cơ sở	08/03/2016 đến 08/03/2017	28/12/1018/KQ: Xuất sắc

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi được công nhận chức danh PGS								
1	Fuzzy Logic and its Applications in Medicine.	2	Có	International Journal of Medical Informatics. Elsevier Pub	Elsevier - SCI	236	62(2001), 165-173	2001

2	Design of a fuzzy system for diagnosis and treatment of Integrated Western and Eastern Medicine	1	Có	International Journal of General Systems. Taylor & Francis Group	Taylor & Francis Group - SCI	8	30 , 2, 219-239	2001
3	An Expert system for Pulmonary Tuberculosis Diagnosis.	7	Có	International Journal of Uncertainty, Fuzziness and knowledge-Based systems. World Scientific Pub.	World Scientific Pub. - SCI	13	7 , 4, 371-382	1999
4	CADIAG-2 and MYCIN-like systems	3	Không	International Journal Artificial Intelligence in Medicine. Elsevier Pub	Elsevier Pub - SCI	44	9 , 241-257	1997
5	Case Based Reasoning for Medical Diagnosis using Fuzzy Set Theory.	3	Có	The Journal, BIOMEDICAL SOFT COMPUTING AND HUMAN SCIENCES (BMFSA),		12	5 , 2, 1-8	2000

6	Approach to developing a diagnostic system combining disease diagnosis of Western Medicine with syndrome differentiation of Traditional Oriental Medicine.	3	Có	The Journal, BIOMEDICAL SOFT COMPUTING AND HUMAN SCIENCES (BMFSA),		7	5 , 2, 9-16	2000
7	Development of a Supporting Expert System for Lung Diseases Using Fuzzy logic.	3	Có	The Journal, BIOMEDICAL SOFT COMPUTING AND HUMAN SCIENCES (BMFSA),		8	5 , 2, 37-44	2000
8	Development of a Supporting Expert System for Lung Diseases Using Fuzzy logic.	3	Không	Journal of Advanced Computational Intelligence		1	6 , 1, 2-6	2002

9	Developing Case Based reasoning system for medical consultation using the importance of features.	3	Có	Journal of Advanced Computational Intelligence		3	6 , 1, 41-50	2002
10	Xây dựng các hệ tri thức y học cổ truyền Việt nam	1	Có	Tạp chí Tin học và Điều khiển học, Hà nội			4, 15-23	1991
11	Mobius transform for CADIAG-2.	2	Không	Tạp chí Tin học và Điều khiển học, Hà nội			13 , 3, 103-122	1997
12	MMM-CADIAG: a mini Modified CADIAG with Mobious Transform	1	Có	Tạp chí Tin học và Điều khiển học, Hà nội			14 , 1, 9-18	1998

13	Operation Logic in the field of Expert Systems	3	Có	In Proc. of Working Conf. on Complex Scientific Projects KNP-1 and KNP-2, Knowledge and Image Processing Systems, Committee for New Generation Computing Systems of the Academies of Sciences, Smolence, Ex-Czechoslovakia, Nov.24-28, 71 (in Russian)			, 67-71	1986
14	Principles of OLS's knowledge about own programs.	3	Có	In proc. of 4nd Inter. Conference on Artificial Intelligence and Information-Control System of Robots, Oct.19-23, 1987, Smolence, Ex-Czechoslovakia (North-Holland Pub)			, 387-391	1987
15	Approach to Combination of Occidental and Oriental Medicine in Diagnosis and Treatment.	1	Có	Proc. of 3rd Workshop on Uncertainty Processing in Expert Systems, WUPES 94, Triest 11-15 Sept. 1994, Czech Republic			, 199-211	1994

16	Approach to Combining Negative and Positive Evidence in CADIAG-2	1	Có	In Proceedings of Third European Congress on Intelligent Techniques and Soft Computing (EUFIT'95), Aachen, Germany, August 28-31, 1995			, 1653-1658	1995
17	Fuzzy Set Theory and Medical Expert Systems. Survey and Model.	1	Có	Proc. SOFSEM'95: Theory and Practice in Informatics, Lecture Notes in Computer Science, No. 1012, Springer - Verlag	- Scopus	22	, 431-436	1995
18	ACU - A Therapy Advice System Based on Acupuncture and Moxibustion	3	Có	In Proc. of the Thirteenth European Meeting on Cybernetics and Systems Research (EMCSR'96), April 9-12, 1996, Vienna, Austria			, 613-618	1996
19	Approximate Reasoning for Oriental Traditional Medical Expert Systems.	1	Có	Proc. of the 1997 IEEE Inter. Conf. On Systems, Man, and Cybernetics, Orlando, Florida, USA, October 12-15, 1997	- Scopus		, 3084-3089	1997

20	Fuzzy Information Integration applied in Expert Systems	1	Có	In Proceedings of the 5th International Conference on Soft Computing and Information/Intelligent Systems (IIZUKA'98), (World Scientific Publishers), Oct. 16-20, 1998, Japan,			2 , 414-417	1998
21	Construction of Bayesian Network for Diagnosis of Tuberculosis.	3	Có	In Proc. of 5th ASIAN Science and Technology Week (ASTW) MICROELECTRONICS and IT CONFERENCE, 12-14 Oct., 1998, Hanoi, Vietnam,			, 124-129	1998
22	Strong Negation: Its Relation to Intervals and Its Use in Expert Systems	5	Không	Proc. 4th World Congress on Expert Systems, Mexico City, Mexico, March 16-20, 1998			, 4 pages	1998

23	Fuzzy Reasoning for Cold-Heat Diagnosis Systems in Standardization of Meals Selection and Herbal Plants Utility.	3	Có	Proceedings of Japan-USA-Vietnam workshop RESCCE'98: Research and Education in System Computation and Control Engineering, Hanoi, 13-15 May, 1998,			, 273-279	1998
24	Towards a Hybrid system for Pulmonary Tuberculosis Diagnosis	4	Có	In Proceedings of VJFUZZY'98: Vietnam-Japan Bilateral Symposium on Fuzzy Systems and Applications, Halong Bay, Vietnam, 30 Sept-2 Oct., 1998.			, 102-110	1998
25	A Fuzzy Logic Based System for Therapy in Integrated Western and eastern medicine	2	Có	In Proceedings of VJFUZZY'98: Vietnam-Japan Bilateral Symposium on Fuzzy Systems and Applications, Halong Bay, Vietnam, 30 Sept-2 Oct., 1998.			, 715-720	1998

26	Interval-Based Expert Systems and their use for Traditional Oriental Medicine	3	Có	In Proceedings of VJFUZZY'98: Vietnam-Japan Bilateral Symposium on Fuzzy Systems and Applications, Halong Bay, Vietnam, 30 Sept-2 Oct., 1998.			, 697-703	1998
27	Towards foundations for Traditional Oriental	3	Có	In Proceedings of VJFUZZY'98: Vietnam-Japan Bilateral Symposium on Fuzzy Systems and Applications, Halong Bay, Vietnam, 30 Sept-2 Oct., 1998.			, 704-708	1998
28	, Approach to Integrating Expert Knowledge for Medical Expert Systems	3	Có	In Proceedings of VJFUZZY'98: Vietnam-Japan Bilateral Symposium on Fuzzy Systems and Applications, Halong Bay, Vietnam, 30 Sept-2 Oct., 1998.			, 126-132	1998

29	Applications of Informatics and Soft Computing in Medicine	2	Có	In Proceedings of the International Symposium of Medical Informatics and Fuzzy Technology (MIF'99), The Hanoi Daewoo Hotel, August 26-29,1999, Hanoi, Vietnam.			, 315-324	1999
30	Building an Experimental Neural Expert System for Medical Diagnosis	3	Có	In Proceedings of the International Symposium of Medical Informatics and Fuzzy Technology (MIF'99), The Hanoi Daewoo Hotel, August 26-29,1999, Hanoi, Vietnam.			, 393-402	1999
31	Building a fuzzy Expert System for Syndromes Differentiation in Oriental Traditional Medicine	4	Có	In Proceedings of the International Symposium of Medical Informatics and Fuzzy Technology (MIF'99), The Hanoi Daewoo Hotel, August 26-29,1999, Hanoi, Vietnam.			, 436-441	1999

32	Implementation of an Interval-Based Expert System for diagnosis of Oriental Traditional Medicine	3	Có	In Proceedings of the International Symposium of Medical Informatics and Fuzzy Technology (MIF'99), The Hanoi Daewoo Hotel, August 26-29,1999, Hanoi, Vietnam.			, 486-453	1999
33	A diagnostic system based on pulses according Oriental Traditional Medicine	4	Có	In Proceedings of the International Symposium of Medical Informatics and Fuzzy Technology (MIF'99), The Hanoi Daewoo Hotel, August 26-29,1999, Hanoi, Vietnam.			, 495-503	1999
34	An Approximate Reasoning Using probability-possibility transformation for Medical Expert Systems	3	Có	In Proceedings of the 8th IEEE International Conference on Fuzzy Systems (FUZZ-IEEE'99), August 22-25, 1999, Seoul, Korea,			, I-395-399	1999

35	An Approximate reasoning using Fuzzy-Bayesian Inference for Medical Expert Systems	3	Có	In Proceedings of the Eight International Fuzzy Systems Association World Congress (IFSA '99), August 16-20, 1999, Taiwan R.O.C., In Proceedings of the Eight International Fuzzy Systems Association World Congress (IFSA '99), August 16-20, 1999, Taiwan R.O.C			, 161-165	1999
36	Using Hedge Algebras for Constructing Inference Mechanism in Medical Expert Systems.	2	Không	In Proceedings of the Eight International Fuzzy Systems Association World Congress (IFSA '99), August 16-20, 1999, Taiwan R.O.C.,			, 265-268	1999

37	Approach to developing a diagnostic system combining disease diagnosis of Western Medicine with syndrome differentiation of Traditional Oriental Medicine.	3	Có	In Proc. of the 12th Annual Meeting of Biomedical Fuzzy System Association (BMFSA).			, 5-11	1999
38	Developing a fuzzy system Combining Case Based and Rule Based Reasoning & Learning (RBRL) for Medical Diagnosis	3	Có	Proceedings of the Fourth Asian Fuzzy Systems Symposium (AFSS2000), May 31-June 3, 2000, Tsukuba, Japan,			, 623-628	2000
39	Developing a fuzzy system for diagnosis and treatment of Integrated Western and Eastern	3	Có	Proceedings of the Fourth Asian Fuzzy Systems Symposium (AFSS2000), May 31-June 3, 2000, Tsukuba, Japan,			, 633-638	2000

40	HYBMED: a HYBrid Expert System for MEDical Diagnosis	4	Có	Proceedings of the Fourth Asian Fuzzy Systems Symposium (AFSS2000), May 31-June 3, 2000, Tsukuba, Japan,			, 639-644	2000
41	Towards the optimal choice of data channels for monitoring a space flight,	3	Không	Proceedings of the Fourth Biannual World Automation Congress (WAC 2000), ISSCI 2000 and IFMIP 2000, June 11-15, 2000, Maui, Hawaii, USA: TSI PRESS SERIES: Soft Computing, Multimedia and Image Processing			, 652-658.	2000
42	A generalization of Mobius transform for MaxMin inference in fuzzy expert systems	3	Có	Proceedings of the International Conference on Intelligent Technology (InTech2000), 13-15 December, 2000, Bangkok, Thailand,			, 313-318	2000
43	Explanation Mechanism in Developing a Fuzzy-Neuro Medical Expert System	2	Không	In CD Proceedings of APAMI-MIC 2000 Conference, 28th-29th September 2000, HongKong,			, 10 pages	2000

44	Some applications of Case Based reasoning in Medical Diagnosis.	2	Có	Proc. of the second Vietnam - Japan Symposium on Fuzzy Systems and Applications (VJFUZZY' 2001), 2001			, 353-363	2001
45	A system for Cold-Heat advice of suitable daily Vietnamese meals.	2	Có	Proceedings of the First Vietnam-Japan Symposium on Medical Imaging/Informatics and applications (VJMEDIMAG'2001), Hanoi, 24-25, November, 2001,			, 205-209	2001
46	Fuzzy relation with threshold and some inference methods,	3	Không	Proceedings of the Second Vietnam-Japan Symposium on Fuzzy Systems and Applications, 7-8 December, 2001, Hanoi, Vietnam,			, 345-352	2001
47	Approach to generating rules for Expert Systems using rough set theory	3	Có	Proc. IFSA/NAFIPS2001, July 25-28, 2001, Vancouver	- Scopus		, 837-842.	2001

48	Case Based reasoning using fuzzy set theory and importance of feature in medicine.	4	Có	Proc. IFSA/NAFIPS2001, July 25-28, 2001, Vancouver	- Scopus		, 872-876.	2001
49	Using Self Organizing Map (SOM) for market segmentation in tourism.	3	Không	In Proc. If InTech'2001, November, 27-28, 2001, Bangkok, Thailand,			, 340-348	2001
50	Trí tuệ nhân tạo trong kinh tế và quản lý	1	Có	Trong kỷ yếu Hội thảo về Một vài vấn đề của Kinh tế vĩ mô và thống kê kinh tế. 19-20/3/1992, Hà Nội, Việt Nam			, 119-127	1992
51	Về một vài chỉ số phát triển kinh tế vĩ mô của đồng bằng sông Mêcông.	3	Không	Trong kỷ yếu Hội thảo về Một vài vấn đề của Kinh tế vĩ mô và thống kê kinh tế. 19-20/3/1992, Hà Nội, Việt Nam			, 193-200	1992
52	Fuzzy knowledge representation for Integrated Medicine.	2	Có	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lý thuyết và ứng dụng), 23-24/9/1997. Nhà xuất bản Y học.			, 169-181	1997

53	INSOMNIA - A Therapy Advice System Integrating Oriental and Occidental Medicine	3	Có	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lý thuyết và ứng dụng), 23- 24/9/1997. Nhà xuất bản Y học.			, 182- 198	1997
54	Approximate reasoning for Lung Tuberculosis diagnostic Expert Systems	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lý thuyết và ứng dụng), 23- 24/9/1997. Nhà xuất bản Y học.			, 288- 296	1997
55	Soft Computing for Sesign and Developing of Intelligent Systems for medicine.	1	Có	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lý thuyết và ứng dụng), 23- 24/9/1997. Nhà xuất bản Y học.			, 305- 329	1997
56	Research on applying of Informatics in Oriental Traditional Medicine.	15	Không	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lý thuyết và ứng dụng), 23- 24/9/1997. Nhà xuất bản Y học.			, 245- 287	1997

57	Using fuzzy Bayesian inference for pulmonary tuberculosis diagnosis	3	Có	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lần thứ 2), 28-29/12/1998. Nhà xuất bản Y học.			, 52-62	1998
58	Hệ quản lý bệnh án lao phổi trung ương	3	Có	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lần thứ 2), 28-29/12/1998. Nhà xuất bản Y học.			, 63-77	1998
59	Using probability-possibility transformation for pulmonary tuberculosis diagnosis	3	Có	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lần thứ 2), 28-29/12/1998. Nhà xuất bản Y học.			, 157-166	1998
60	Approach to case based reasoning for medical diagnosis Using fuzzy logic	2	Có	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lần thứ 2), 28-29/12/1998. Nhà xuất bản Y học.			, 167-178	1998
61	Phương pháp lọc biến đổi Wiener với các ràng buộc cho xử lý ảnh nhiễu y học,	2	Không	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lần thứ 2), 28-29/12/1998. Nhà xuất bản Y học.			, 205-210	1998

62	Thiết kế và cài đặt hệ trợ giúp cho chẩn đoán hội chứng liệt nửa người.	3	Không	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lần thứ 2), 28-29/12/1998. Nhà xuất bản Y học.			, 211-224	1998
63	Fuzzy Scheduling Approach and Possible Applications in Medicine.	3	Có	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lần thứ 3), 16-17/12/1999. Nhà xuất bản Y học.			, 54-61	1999
64	Fuzzy system to Maximize the return rate and minimize the risk of investment in health care unit	3	Có	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lần thứ 3), 16-17/12/1999. Nhà xuất bản Y học.			, 62-71	1999
65	Combining case based Reasoning (CBR) with Rule Based Reasoning & Learning (RBRL) for Medical Diagnosis using Fuzzy Set Theory.	2	Có	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lần thứ 3), 16-17/12/1999. Nhà xuất bản Y học.			, 72-84	1999

66	Thiết kế và xây dựng hệ trợ giúp phân loại các phương pháp điều trị bệnh Đông-Tây y	2	Có	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lần thứ 3), 16-17/12/1999. Nhà xuất bản Y học.			, 146-162	1999
67	Research Approach to Oriental Medicine by Mathematical Logic.	3	Không	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lần thứ 3), 16-17/12/1999. Nhà xuất bản Y học.			, 85-89	1999
68	Some new trends of research and application of medical Informatics	1	Có	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Tin học trong y học (Lần thứ 3), 16-17/12/1999. Nhà xuất bản Y học.			, 200-206	1999
69	An Expert system for diagnosis and Treatment of Cold-Heat Syndrome according to oriental traditional medicine.	2	Không	In Proceedings of VJFUZZY'98: Vietnam-Japan Bilateral Symposium on Fuzzy Systems and Applications, Halong Bay, Vietnam, 30 Sept-2 Oct., 1998.			, 709-714	1998

70	An approximate reasoning approach based on possibility theory for medical expert systems	3	Có	In Proceedings of the International Symposium of Medical Informatics and Fuzzy Technology (MIF'99), The Hanoi Daewoo Hotel, August 26-29,1999, Hanoi, Vietnam.			, 386-393	1999
71	A fuzzy system for classification of Western and Eastern medicaments,	2	Có	Proceedings of the Fourth Asian Fuzzy Systems Symposium (AFSS2000), May 31-June 3, 2000, Tsukuba, Japan,			, 629-632	2000
72	Approach to combining Case Based reasoning and with Rule Based reasoning for Lung disease diagnosis	4	Có	Proc. IFSA/NAFIPS2001, July 25-28, 2001, Vancouver,	- Scopus		, 883-888	2001
73	Tập mờ trong các hệ mờ trong y học	1	Có	Hệ mờ và ứng dụng (Chủ biên: Nguyễn Hoàng Phương, Bùi Công Cường..), Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà nội, Việt nam, 1998.			, 85-105	1998

74	Áp dụng logic mờ cho các hệ chuyên gia đông y	1	Có	Hệ mờ và ứng dụng (Chủ biên: Nguyễn Hoàng Phương, Bùi Công Cường..), Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà nội, Việt nam, 1998.			,	1998
75	Lập luận xác suất dựa trên mạng Bayes và ứng dụng cho chẩn đoán lao phổi.	2	Có	Hệ mờ và ứng dụng (Chủ biên: Nguyễn Hoàng Phương, Bùi Công Cường..), Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà nội, Việt nam, 1998.			, 193-227	1998
76	Thiết kế và xây dựng hệ chuyên gia trợ giúp chẩn đoán bệnh lao phổi.	6	Có	Hệ mờ và ứng dụng (Chủ biên: Nguyễn Hoàng Phương, Bùi Công Cường..), Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà nội, Việt nam, 1998.			, 106-131	1998
77	Cài đặt hệ trợ giúp chẩn đoán hàn nhiệt để lựa chọn thức ăn và các cây thuốc đông y.	2	Có	Hệ mờ và ứng dụng (Chủ biên: Nguyễn Hoàng Phương, Bùi Công Cường..), Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà nội, Việt nam, 1998.			, 147-155	1998

78	Áp dụng logic mờ trong kết hợp điều trị Đông y.	2	Có	Hệ mờ và ứng dụng (Chủ biên: Nguyễn Hoàng Phương, Bùi Công Cường..), Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà nội, Việt nam, 1998.			, 156-177	1998
79	Xây dựng hệ tích hợp tri thức cho hệ chuyên gia chẩn đoán lao phổi.	2	Có	Hệ mờ và ứng dụng (Chủ biên: Nguyễn Hoàng Phương, Bùi Công Cường..), Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà nội, Việt nam, 1998.			, 178-192	1998
Sau khi được công nhận chức danh PGS								
80	Combining Classification Using Decision Tree with Case Based Reasoning to Develop the Medical Consultation System	3	Có	VJMED-INFOTECH 2004: Vietnam-Japan Conference on Medical Informatics and Applications, December 13-14, 2004, Ha noi, Vietnam			, 17-23	2004
81	A fuzzy modelling for modifying standard prescriptions of Oriental Traditional medicine.	3	Có	Journal of Advanced Computational Intelligence and Intelligent Informatics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	8	7 , 3, 339-346	2003

82	Fuzzy Rule Based Lung Diseases Diagnosis System Combining Positive and Negative Knowledge	4	Có	Journal of Korean Society of Medical Informatics, Proc. of the Asian Pacific Medical Informatics Conference APAMI-CJK-MIC'03, October 20-22, 2003, Daegu, Korea			, s207-s213	2003
83	, Cold-Heat Diagnosis System for selection of suitable meals using fuzzy logic.	5	Có	Journal of Korean Society of Medical Informatics, Proc. of the Asian Pacific Medical Informatics Conference APAMI-CJK-MIC'03, October 20-22, 2003, Daegu, Korea			, s218-s222	2003
84	Fuzzy Inference methods employing t-norm with the threshold and their implementation.	5	Không	Journal of Advanced Computational Intelligence and Intelligent Informatics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		7, 3, 362-369	2003

85	A proposed model of Diagnosis and Prescription in Oriental medicine Using RBF Neural Networks.	5	Không	Journal of Advanced Computational Intelligence and Intelligent Informatics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		10 , 4, 458-464	2006
86	An Approach in Designing Hierarchy of Fuzzy Behaviors for Mobile Robot Navigation.	4	Không	Journal of Advanced Computational Intelligence and Intelligent Informatics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		11 , 3, 268-275	2007
87	An analysis of the healthcare informatics and systems in Southeast Asia: a current perspective from seven countries.	10	Không	International Journal of Electronic Healthcare. http://www.inderscience.com/search/index.php?action=record&record_id=19792	- Scopus	12	4 , 2, 184-207	2008
88	Strategic Challenges Facing User- and Patient-Centred e-Health in Vietnam	4	Không	International Journal of Healthcare Technology and Management 01/2012. DOI:10.1504/IJHTM.2012.052551	- Scopus	4	13 , 5/6, 378-394	2012

89	Modeling a Fuzzy System for Diagnosis of Integrated Eastern and Western Medicine using the Importance of Symptoms	1	Có	Journal of Advanced Computational Intelligence and Intelligent Informatics, Vol. 24. No.5, 2020.(SCOPUS-Q3)	Indexed in ESCI, SCOPUS, COMPENDE (Ei-Index) - ESCI		, 6 pages	2020
90	Building a Fuzzy System for Pulse Based Disease Diagnosis and Acupuncture Therapy	2	Có	Journal of Advanced Computational Intelligence and Intelligent Informatics, Vol. 24. No.5, 2020 (SCOPUS-Q3)	Indexed in ESCI, SCOPUS, COMPENDE (Ei-Index) - ESCI		, 7 pages	2020
91	Towards Making Fuzzy Techniques More Adequate for Combining Knowledge of Several Experts	2	Có	Journal of Advanced Computational Intelligence and Intelligent Informatics, Vol. 24. No.5, 2020. (SCOPUS-Q3)	Indexed in ESCI, SCOPUS, COMPENDE (Ei-Index) - ESCI		, 6 pages	2020

92	A New (Simplified) Derivation of Nash's Bargaining Solution	3	Có	Journal of Advanced Computational Intelligence and Intelligent Informatics, Vol. 24. No.5, 2020. (SCOPUS-Q3)	Indexed in ESCI, SCOPUS, COMPENDE (Ei-Index)		,	2020
93	How to Describe Conditions Like 2-out-of- 5 in Fuzzy Logic: A Neural Approach	3	Có	Journal of Advanced Computational Intelligence and Intelligent Informatics, Vol. 24. No.5, 2020. (SCOPUS-Q3)	Indexed in ESCI, SCOPUS, COMPENDE (Ei- Index) - ESCI		, 6 pages	2020
94	"How to Combine (Dis)Utilities of Different Aspects into a Single (Dis)Utility Value, and How This Is Related to Geometric Images of Happiness"	4	Có	Journal of Advanced Computational Intelligence and Intelligent Informatics, Vol. 24. No.5, 2020. (SCOPUS-Q3)	Indexed in ESCI, SCOPUS, COMPENDE (Ei- Index) - ESCI		, 5 pages	2020
95	Theoretical Explanation of Recent Empirically Successful Code Quality Metrics	4	Có	Journal of Advanced Computational Intelligence and Intelligent Informatics, Vol. 24. No.5, 2020. (SCOPUS-Q3)	Indexed in ESCI, SCOPUS, COMPENDE (Ei- Index) - ESCI		, 5 pages	2020

96	Thiết lập công cụ mô phỏng dự báo dịch tả bằng công nghệ GIS.	3	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái nguyên			166 , 06, 21- 26	2017
97	Bước đầu ứng dụng logic mờ trong mô hình hóa việc kê đơn thuốc y học cổ truyền.	4	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái nguyên			178 , 02, 127- 131	2018
98	A Genetic Algorithm to Determine Optimal Weights of Symptoms in Case-Based Reasoning for Medical Diagnosis	3	Có	Proceedings of the Joint 3rd International Conference on Intelligent Technologies and 3rd Vietnam-Japan Symposium on Fuzzy Systems and Applications (Intech/VJFuzzy'02), 3-5 December, 2002, Hanoi, Vietnam,			, 356- 361	2002

99	A Fuzzy Consultation system for Computer configurations	4	Có	Proceedings of the Joint 3rd International Conference on Intelligent Technologies and 3rd Vietnam-Japan Symposium on Fuzzy Systems and Applications (Intech/VJFuzzy'02), 3-5 December, 2002, Hanoi, Vietnam,			, 137-142	2002
100	Soft Computing for intelligent Systems of Integrated Western and Eastern medicine,	2	Có	Proc. of the Inter. Conference on Intelligent Technologies 2003, Dec. 17-19, 2003, ChiangMai, Thailand,			, 237-246	2003
101	An Application of Soft Computing to RETS: Rheumatic evaluation and treatment system by oriental medicine,	4	Không	Proc. of the sixth Inter. Conference on Fuzzy Systems 2004, Dec. 15-17, 2004, Hanoi, Vietnam,			, 73-78	2004

102	An Approach to Extend Fuzzy Directional Relationship for Mobile Robot Collision Avoidance in Unknown Environment,	3	Không	Proc. of the sixth Inter. Conference on Fuzzy Systems 2004, Dec. 15-17, 2004, Hanoi, Vietnam,			, 123-128	2004
103	An improved neuro-fuzzy model for the classification of data.	3	Không	Proc. of the sixth Inter. Conference on Fuzzy Systems 2004, Dec. 15-17, 2004, Hanoi, Vietnam,			, 187-191	2004
104	Combining Classification using decision tree with case based reasoning to develop the medical consultation system.	3	Có	In VJMED-InfoTech'2004:Proc. of the Vietnam-Japan Conference on Medical Informatics and Applications, Hanoi, Viet nam, December 13-14, 2004.			, 17-23	2004

105	An Application of Sost Computing to RETS: Rheumatic Evaluation and Treatment system by Oriental Medicine.	5	Không	In VJMED-InfoTech'2004:Proc. of the Vietnam-Japan Conference on Medical Informatics and Applications, Hanoi, Viet nam, December 13-14, 2004.			, 59-63	2004
106	An improved neuro-fuzzy model for classification of data.	3	Không	In VJMED-InfoTech'2004:Proc. of the Vietnam-Japan Conference on Medical Informatics and Applications, Hanoi, Viet nam, December 13-14, 2004.			, 71-75	2004
107	On research, software development and education of medical informatics of Center for Health Information Technology	1	Có	Proceedings of First VN-KR MEDINFO'2005: The Joint Vietnam-Korea Conference on Medical Informatics and Applications, 28-29 Nov. 2005, Hanoi Vietnam,			, 1-7	2005

108	Developing, e-Learning system for Acupuncture	5	Có	Proceedings of First VN-KR MEDINFO'2005: The Joint Vietnam-Korea Conference on Medical Informatics and Applications, 28-29 Nov. 2005, Hanoi Vietnam,			, 8-14	2005
109	Developing portal for Healthcare	4	Không	Proceedings of First VN-KR MEDINFO'2005: The Joint Vietnam-Korea Conference on Medical Informatics and Applications, 28-29 Nov. 2005, Hanoi Vietnam,			, 31-35	2005
110	Applying Gaussian Distribution and RBF Neural Networks to Diagnosis and Prescription in Oriental Medicine	6	Không	Proceedings of First VN-KR MEDINFO'2005: The Joint Vietnam-Korea Conference on Medical Informatics and Applications, 28-29 Nov. 2005, Hanoi Vietnam,			, 36-41	2005

111	Designing Type-2 Fuzzy Behaviors of Autonomous Robot Using Interval Type-2 Fuzzy Logic System,	4	Không	Proceedings of International Conference on Information Systems and Symposium on Information Systems ICIS&ISIS 06, Tokyo, Japan,			, 42-51	2005
112	Refinement geometric algorithms for type-2 fuzzy set operations.	4	Không	Proceedings of International Conference on Information Systems and Symposium on Information Systems ICIS&ISIS 06, Tokyo, Japan,	- Scopus	6	, 866-871	2009
113	Cholera forecast based on mining association rules	3	Không	In the 3rd IEEE International Conference on Computing, Management and Telecommunications (ComManTel 2015) December 28-30, 2015, Da Nang, Vietnam,	- Scopus		, 133-137	2015

114	FuzzRESS: A Fuzzy Rule-based Expert System Shell for Medical Consultation combining Positive and Negative Knowledge	1	Có	In Proc. of NAFIPS'2016, Annual Conference (North American Fuzzy Information Processing Society) El Paso, Texas, USA, October			, 271- 277	2016
115	Kiến trúc chung của Hệ thông tin quản lý bệnh viện và một số nhận xét về tình hình nghiên cứu, ứng dụng CNTT trong quản lý bệnh viện ở Việt nam.	1	Có	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện (VN- HISMANAG'08), Hà nội, Việt nam 9/1/2008			, 17-24	2008
116	Issues and Challenges in the Development of Electronic Health Records in Malaysia and Vietnam.	6	Không	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện (VN- HISMANAG'08), Hà nội, Việt nam 9/1/2008			, 24-33	2008

117	Knowledge Management in Healthcare with Special Emphasis on General Hospitals in Vietnam.	3	Không	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện (VN-HISMANAG’08), Hà nội, Việt nam 9/1/2008			, 34-44	2008
118	Xây dựng mô hình lập luận xấp xỉ trong Hệ chuyên gia chẩn đoán bệnh khớp.	2	Có	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện (VN-HISMANAG’08), Hà nội, Việt nam 9/1/2008			, 150-166	2008
119	Thu tín hiệu dữ liệu truyền file của máy điện tín NIKON KODEN qua cổng COM	6	Có	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện (VN-HISMANAG’08), Hà nội, Việt nam 9/1/2008			, 184-196	2008
120	Khám chữa bệnh từ xa, giải pháp hỗ trợ giảm thiểu quá tải bệnh viện.	4	Có	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện (VN-HISMANAG’08), Hà nội, Việt nam 9/1/2008			, 197-203	2008

121	Xây dựng Ontology cho ứng dụng bệnh án số hỗ trợ hệ thống khám chữa bệnh trực tuyến	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện (VN- HISMANAG’08), Hà nội, Việt nam 9/1/2008			, 219- 225	2008
122	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý giám sát và quản lý bệnh truyền nhiễm ở Việt nam giai đoạn 2007 – 2010.	5	Không	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện (VN- HISMANAG’08), Hà nội, Việt nam 9/1/2008			, 226- 236	2008
123	Xây dựng bộ mã thuốc quốc gia và ứng dụng CNTT trong việc sử dụng bộ mã thuốc quốc gia phục vụ công tác quản lý được tại Việt nam.	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện (VN- HISMANAG’08), Hà nội, Việt nam 9/1/2008			, 247- 275	2008

124	Phát triển hệ thống thông tin phần mềm hỗ trợ quản lý điều trị HIV/AIDS bằng thuốc kháng HIV (ARV) ở Việt nam giai đoạn 2007 - 2010	4	Có	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện (VN-HISMANAG’08), Hà nội, Việt nam 9/1/2008			, 237-246	2008
125	Một cách tiếp cận xây dựng hồ sơ bệnh án điện tử theo chuẩn quốc tế HL7 cho các hệ thống tin bệnh viện ở Việt nam	4	Có	Kỷ yếu Hội nghị ứng dụng Công nghệ thông tin ngành y tế lần thứ V, Hà nội, 19/12/2009. Bộ Y tế.			, 237-250	2009
126	Xây dựng hệ thống quản lý khám chữa bệnh bằng thẻ thông minh tại các bệnh viện.	4	Không	Kỷ yếu Hội nghị ứng dụng Công nghệ thông tin ngành y tế lần thứ V, Hà nội, 19/12/2009. Bộ Y tế.			, 251-261	2009
127	Xây dựng một cổng thông tin y tế cộng đồng dựa trên Ontology.	5	Không	Kỷ yếu Hội nghị ứng dụng Công nghệ thông tin ngành y tế lần thứ V, Hà nội, 19/12/2009. Bộ Y tế.			, 262-273	2009

128	Thực trạng triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và kế hoạch tổng thể triển khai ứng dụng và phát triển CNTT ngành y	3	Có	Kỷ yếu Hội nghị quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin ngành y tế lần thứ VI, Hà nội, 16/5/2012			, 5-19	2012
129	Tổng quan ứng dụng CNTT ngành y tế	5	Có	Kỷ yếu Hội nghị quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin ngành y tế lần thứ VII, Hà nội, 15/1/2015			, 9-19	2015
130	Extending fuzzy directional relationship and applying for mobile robot collision avoidance behavior	4	Không	Journal of Advanced Computational Intelligence and Intelligent Informatics (ISBN: 1343-0130)			10 , 4, 444-450	2006
131	Fuzzy Logic applying in Modeling Medical Diagnosis,	2	Có	In Proc. 2005 International Conference on Intelligent Technologies and Applied Statistics, Teipei, Taiwan, 24-26 June 2005.			, 74-81	2005

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 7

Lưu ý:

Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
1	Tôi đã chủ trì xây dựng dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học c “Hệ hỗ trợ chẩn đoán X-Quang ung thư vú bằng Trí tuệ nhân tạo” (9/2018 - 3/2020).	Chủ trì	Trường Đại học Thăng long

2	Xây dựng môn học chuyên đề “CSDL và Trí tuệ nhân tạo nâng cao” cho sinh viên khoa Toán – tin , Trường Đại học Thăng long và chủ trì biên soạn giáo trình "Nhập môn trí tuệ tính toán" để tham gia đào tạo môn học đó.	Chủ trì	Trường Đại học Thăng long
---	---	---------	---------------------------

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hà nội., ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)